

N38 Bài kiểm tra số 02 - chương 3 - Môn KTCTMLN (Thời gian từ 10h20 đến 12h ngày 20/05)

Bắt buộc

1.Số thứ tự trong danh sách lớp

2.Họ và tên

3.Lớp

4.Mã sinh viên

5.Lợi tức cho vay:

(1 Điểm)

- ☐ Là toàn bộ giá trị thặng dư do người công nhân sản xuất ra
- ☐ Là toàn bộ lợi nhuận bình quân
- ☐ Là lợi nhuận doanh nghiệp
- ☒ Là một phần của lợi nhuận bình quân

6.Giá cả thị trường của hàng hóa trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh xoay quanh:

(1 Điểm)

- ☐ Giá cả hàng hóa
- ☐ Giá cả độc quyền
- ☐ Giá cả sản xuất
- ☒ Giá trị hàng hóa

7.Giải pháp để chống hao mòn vô hình là:*

(1 Điểm)

- ☐ Hạn chế sử dụng máy móc
- ☒ Sử dụng hết công suất của máy móc
- ☐ Sử dụng máy móc cũ, lạc hậu
- ☐ Bảo trì bảo dưỡng máy móc thường xuyên

8.Chọn ý đúng trong các ý sau đây:

(1 Điểm)

- ☒ Tư bản bất biến không thay đổi về lượng trong quá trình sản xuất
- ☐ Tư bản cố định là một bộ phận của tư bản khả biến
- ☐ Tư bản khả biến không thay đổi về lượng trong quá trình sản xuất

- ☐ Tư bản khả biến là một bộ phận của tư bản cố định

9. Giá trị thặng dư là :

(1 Điểm)

- ☐ Phần giá trị dôi ra so với số tiền ứng ra ban đầu
- ☐ Phần do tư bản bất biến sinh ra
- ☒ Bộ phận giá trị mới dôi ra ngoài giá trị sức lao động do người lao động làm thuê tạo ra và thuộc về nhà tư bản
- ☐ Phần giá trị dôi ra ngoài giá trị sức lao động

10. Tư bản nào có vai trò quyết định trong việc sinh ra giá trị thặng dư?

(1 Điểm)

- ☐ Tư bản bất biến
- ☐ Tư bản lưu động
- ☒ Tư bản khả biến
- ☐ Tư bản cố định

11. Tiền biến thành tư bản khi :

(1 Điểm)

- ☒ Được dùng để mang lại giá trị thặng dư cho nhà tư bản
- ☐ Qua lưu thông mang lại khối lượng tiền lớn hơn
- ☐ Mang tiền cho vay
- ☐ Dùng tiền để mua tư liệu sản xuất cho nhà tư bản

12. Thời gian chu chuyển tư bản bao gồm:

(1 Điểm)

- ☐ Thời gian mua và thời gian bán
- ☐ Thời kỳ làm việc, thời kỳ gián đoạn sản xuất và thời kỳ dự trữ sản xuất
- ☒ Thời gian sản xuất và thời gian lưu thông
- ☐ Thời gian sản xuất và thời gian bán hàng hoá

13. Những yếu tố dưới đây, yếu tố nào không thuộc tư bản cố định

(1 Điểm)

- ☒ A. Nguyên vật liệu, điện, nước dùng cho sản xuất
- ☐ B. Các phương tiện vận tải
- ☐ C. Máy móc, nhà xưởng
- ☐ D. Cả b và c

14. Sự hoạt động của quy luật giá trị trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh là:

(1 Điểm)

- ☐ Quy luật cung – cầu
- ☐ Quy luật giá trị thị trường
- ☒ Quy luật giá cả sản xuất
- ☐ Quy luật cạnh tranh

15. Khi nào sức lao động trở thành hàng hoá một cách phổ biến?

(1 Điểm)

- ☐ Trong nền sản xuất hàng hoá giản đơn
- ☒ Trong nền sản xuất hàng hoá TBCN
- ☐ Trong xã hội chiếm hữu nô lệ
- ☐ Trong xã hội phong kiến

16. Chọn đáp án đúng để điền vào chỗ trống:

Tư bản cho vay là mà người chủ của nó nhường cho người khác sử dụng trong một thời gian nhất định để thu

(1 Điểm)

- ☐ Tư bản hàng hóa/lợi tức
- ☒ Tư bản nhàn rỗi/lãi suất
- ☐ Tư bản tiền tệ/lợi tức
- ☐ Tư bản sản xuất/lãi suất

17. Tích tụ tư bản:

(1 Điểm)

- ☐ Là kết quả trực tiếp của tập trung tư bản
- ☐ Giống tập trung tư bản
- ☒ Là sự tăng quy mô tư bản cá biệt bằng cách tư bản hoá giá trị thặng dư
- ☐ Không làm tăng quy mô của tư bản xã hội

18. Tư bản bất biến trong quá trình sản xuất:*

(1 Điểm)

- ☒ Chuyển toàn bộ giá trị vào sản phẩm
- ☐ Không tăng lên về lượng
- ☐ Chuyển dần từng phần vào sản phẩm
- ☐ Tăng lên về lượng

19. Giải pháp nào làm giảm thời gian lưu thông*

(1 Điểm)

- ☐ Giảm thời gian dự trữ sản xuất
- ☒ Giảm thời gian mua và thời gian bán
- ☐ Giảm thời gian gián đoạn lao động
- ☐ Giảm thời gian lao động

20. Tư bản thương nghiệp dưới CNTB ra đời từ:

(1 Điểm)

- ☐ Tư bản lưu động
- ☒ Tư bản công nghiệp
- ☐ Tư bản cho vay
- ☐ Tư bản hàng hóa

21. Hình thức nào ***không*** phải biểu hiện của giá trị thặng dư?

(1 Điểm)

- ☐ Lợi nhuận công nghiệp
- ☐ Lợi nhuận thương nghiệp
- ☐ Lợi tức
- ☒ Tiền công

22. Nguyên nhân dẫn đến sự hình thành lợi nhuận bình quân là do:

(1 Điểm)

- ☐ Cạnh tranh giữa các nước và các khu vực
- ☐ Do cải tiến kỹ thuật nhằm chiếm lợi nhuận siêu ngạch
- ☐ Cạnh tranh trong nội bộ từng ngành
- ☒ Cạnh tranh giữa các ngành

23. Điều kiện tất yếu để sức lao động trở thành hàng hoá:

(1 Điểm)

- ☐ Người lao động không được tự do về thân thể
- ☐ Người lao động tự nguyện đi làm thuê
- ☒ Người lao động được tự do về thân thể và không có tư liệu sản xuất
- ☐ Người lao động có tư liệu sản xuất

24. Giá trị hàng hoá sức lao động gồm:

(1 Điểm)

- ☐ a. Giá trị các tư liệu sinh hoạt cần thiết để tái sản xuất ra sức lao động của công nhân và nuôi gia đình anh ta
- ☐ b. Chi phí để mua máy móc, thiết bị, nhà xưởng
- ☐ c. Phí tổn đào tạo người lao động
- ☒ d. Cả a và c

25. Sự hình thành lợi nhuận bình quân vạch rõ:*

(1 Điểm)

- ☐ Sự bóc lột của nhà tư bản công nghiệp đối với công nhân làm thuê trong từng xí nghiệp
- ☐ Sự bóc lột của giai cấp địa chủ đối với công nhân
- ☒ Sự bóc lột của toàn bộ giai cấp tư sản đối với giai cấp công nhân
- ☐ Sự bóc lột của các nhà tư bản độc quyền đối với công nhân làm thuê

26. Chọn các ý đúng về hàng hoá sức lao động

(1 Điểm)

- ☐ a. Nó tồn tại trong con người
- ☐ b. Giá trị sử dụng của nó có khả năng tạo ra giá trị mới
- ☐ c. Có thể mua bán nhiều lần
- ☒ d. Cả a, b, c

27. Công thức chung của tư bản phản ánh mục đích của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa là:

(1 Điểm)

- ☐ Giá trị
- ☐ Giá trị và giá trị sử dụng
- ☒ Giá trị thặng dư
- ☐ Giá trị sử dụng

28. Kết quả của cạnh tranh trong nội bộ ngành là hình thành *

(1 Điểm)

- ☐ Giá cả của hàng hóa
- ☐ Giá trị thị trường của hàng hóa
- ☐ Giá cả sản xuất
- ☒ Lợi nhuận bình quân.

29. Tư bản cố định và tư bản lưu động thuộc phạm trù tư bản nào?

(1 Điểm)

- ☐ Tư bản lưu thông
- ☒ Tư bản sản xuất
- ☐ Tư bản bất biến
- ☐ Tư bản tiền tệ

30. Lợi nhuận bình quân là:

(1 Điểm)

- ☐ Lợi nhuận trung bình của các nhà tư bản kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp
- ☐ Lợi nhuận trung bình của các nhà tư bản kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất và lưu thông
- ☒ Lợi nhuận bằng nhau của những tư bản bằng nhau đầu tư vào những ngành sản xuất khác nhau
- ☐ Lợi nhuận trung bình tính cho một đồng vốn sau khi đã trừ đi mọi khoản chi phí

31. Chi phí sản xuất TBCN (k) bao gồm những bộ phận nào?

(1 Điểm)

- ☐ c và m
- ☐ v và m
- ☒ c và v
- ☐ m và v

32. Điền vào chỗ trống: Giá trị thặng dư siêu ngạch là giá trị thặng dư thu được bằng cách

(1 Điểm)

- ☒ Tăng năng suất lao động cá biệt
- ☐ Tăng năng suất lao động xã hội
- ☐ Tăng cường độ lao động
- ☐ Cả a và b

33. Giá trị sử dụng của hàng hóa sức lao động khác với giá trị sử dụng của hàng hóa thông thường là:

(1 Điểm)

- ☐ Bao gồm cả yếu tố tinh thần và lịch sử
- ☐ Đối tượng mua bán là yếu tố quan trọng nhất của mọi nền sản xuất xã hội
- ☐ "Chìa khoá" để giải quyết mâu thuẫn trong công thức chung
- ☒ Khi sử dụng hàng hoá này thì tạo ra một lượng giá trị mới lớn hơn giá trị bản thân nó

34. Các yếu tố dưới đây, yếu tố nào thuộc tư bản lưu động

(1 Điểm)

- ☐ A. Đất đai làm mặt bằng sản xuất
- ☐ B. Máy móc, nhà xưởng
- ☒ C. Tiền lương
- ☐ D. Cả a, b và c

35. Muốn tính tỷ suất giá trị thặng dư cần sử dụng những nhân tố nào? Tư bản bất biến (1); tư bản khả biến (2); giá trị thặng dư (3)

(1 Điểm)

- ☐ (1) + (2)
- ☐ (1) + (3)
- ☐ (1) + (2) + (3)
- ☒ (2) + (3)

36. Khi hàng hóa bán đúng giá trị thì:

(1 Điểm)

- ☐ $P > m$
- ☐ $P < m$
- ☒ $P = m$
- ☐ $K = m$

37. Nguyên nhân cơ bản làm cho tư bản cố định bị hao mòn hữu hình:

(1 Điểm)

- ☒ Do sử dụng trong quá trình sản xuất và do tác động của tự nhiên
- ☐ Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới
- ☐ Cung lớn hơn cầu về tư bản cố định
- ☐ Tăng năng suất lao động trong ngành chế tạo máy

38. Tư bản bất biến gồm những bộ phận nào?

Tiền thuê nhà xưởng (1); tiền mua máy móc thiết bị (2); tiền mua nguyên liệu (3); tiền mua nhiên liệu (4); tiền thuê công nhân (5).

(1 Điểm)

- ☐ (1) + (2) + (3) + (4) + (5)
- ☐ (1) + (2) + (3)
- ☒ (1) + (2) + (3) + (4)
- ☐ (1) + (2) + (3) + (5)

39. Tư bản cho vay là:

(1 Điểm)

- ☐ Tư bản mang hình thái hàng hoá
- ☐ Là tư bản đầu tư thêm vào sản xuất
- ☐ Là tư bản tiền tệ mà người chủ sở hữu đưa nó cho nhà tư bản khác sử dụng để nhận được một số lợi tức nhất định

☐ Tư bản thuộc sở hữu của người sử dụng

40. Cạnh tranh trong nội bộ ngành nhằm:

(1 Điểm)

- ☐ Thu lợi nhuận độc quyền
- ☐ Thu lợi nhuận tối đa
- ☐ Thu lợi nhuận siêu ngạch
- ☐ Giành nơi đầu tư có lợi nhất

41. Bản chất kinh tế của tiền công là :

(1 Điểm)

- ☐ Giá cả của lao động của người công nhân
- ☐ Giá trị của lao động của người công nhân
- ☐ Số tiền mà chủ tư bản đã trả công lao động cho người làm thuê
- ☐ Sự biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hoá sức lao động

42. Trong chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, quy luật giá cả sản xuất biểu hiện hoạt động của:

(1 Điểm)

- ☐ Quy luật cạnh tranh
- ☐ Quy luật giá trị thặng dư
- ☐ Quy luật giá trị
- ☐ Quy luật cung cầu

43. Thời gian ngày lao động là:

(1 Điểm)

- ☐ Thời gian mà người công nhân làm việc cho nhà tư bản trong 1 ngày
- ☐ Độ dài của thời gian lao động thặng dư
- ☐ Độ dài của thời gian lao động cần thiết
- ☐ Độ dài của ngày tự nhiên

44. Cách diễn tả giá trị hàng hoá dưới đây, cách nào đúng:

(1 Điểm)

- ☐ Giá trị hàng hoá = $c + m$
- ☐ Giá trị hàng hoá = $v + m$
- ☐ Giá trị hàng hoá = $c + v + m$
- ☐ Giá trị hàng hoá = $c + v + p$

45. Mục đích trực tiếp của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa là:

(1 Điểm)

- ☐ Làm cho lao động ngày càng lệ thuộc vào tư bản

- ☐ Mở rộng phạm vi thống trị của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa
- ☒ Tạo ra ngày càng nhiều giá trị thặng dư
- ☐ Sản xuất ra ngày càng nhiều của cải

46.Điền vào chỗ trống: Nguồn gốc chủ yếu của tích lũy tư bản là.....*

(1 Điểm)

- ☐ Tiền huy động từ các cổ đông
- ☒ Giá trị thặng dư
- ☐ Tiền đi vay
- ☐ Sản phẩm thặng dư

47.Giải pháp làm giảm thời gian sản xuất

(1 Điểm)

- ☐ Giảm thời gian bán
- ☒ D. Giảm thời gian lao động
- ☐ Giảm thời gian mua
- ☐ C. Giảm thời gian vận chuyển

48.Công thức chung của tư bản là :

(1 Điểm)

- ☐ H - T - H
- ☒ T - H - T'
- ☐ T - H - T
- ☐ H - T - T'
- ☐ Tùy chọn 2

49.Giá trị sử dụng hàng hoá sức lao động khác với giá trị sử dụng của hàng hoá thông thường ở đặc điểm:

(1 Điểm)

- ☒ Tạo ra một lượng giá trị nhiều hơn giá trị hàng hoá thông thường
- ☐ Thể hiện trong quá trình lao động sản xuất
- ☐ Không bị hao mòn trong quá trình sản xuất
- ☐ Tạo ra một lượng giá trị mới lớn hơn giá trị bản thân sức lao động

50.Thời gian chu chuyển của tư bản bao gồm thời gian sản xuất và thời gian lưu thông. Thời gian sản xuất ***không*** gồm:

(1 Điểm)

- ☐ Thời gian dự trữ sản xuất
- ☐ D. Thời gian gián đoạn lao động
- ☒ Thời gian tiêu thụ hàng hóa
- ☐ Thời gian lao động

51.Cạnh tranh giữa các ngành nhằm:

(1 Điểm)

- ☐ Thu lợi nhuận

☐ **Giành nơi đầu tư có lợi nhất**

☐ Thu lợi nhuận độc quyền

☐ Thu lợi nhuận siêu ngạch

52. Những nhân tố nào ảnh hưởng đến tỷ suất lợi tức?

(1 Điểm)

☐ Quan hệ cung cầu về tư bản cho vay; tỷ lệ phân chia lợi nhuận thành lợi tức và lợi nhuận của chủ doanh nghiệp.

☐ Tỷ suất lợi nhuận bình quân; quan hệ cung cầu về tư bản cho vay.

☐ **Tỷ suất lợi nhuận bình quân; quan hệ cung cầu về tư bản cho vay; tỷ lệ phân chia lợi nhuận thành lợi tức và lợi nhuận của chủ doanh nghiệp.**

☐ Tỷ suất lợi nhuận bình quân; tỷ lệ phân chia lợi nhuận thành lợi tức và lợi nhuận chủ doanh nghiệp.

53. Nguyên nhân cơ bản làm cho tư bản cố định bị hao mòn vô hình:

(1 Điểm)

☐ **Sử dụng lâu ngày bị tác động của tự nhiên**

☐ Cung lớn hơn cầu về tư bản cố định

☐ Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới và tăng năng suất lao động trong ngành chế tạo máy

☐ Sử dụng lâu ngày giá trị đã chuyển dần vào sản phẩm

54. Tuần hoàn của tư bản là:

(1 Điểm)

☐ Sự vận động liên tục của tư bản tiền tệ của các nhà tư bản

☐ Sự vận động liên tục của tư bản từ hình thức tư bản tiền tệ sang hình thức tư bản sản xuất và tư bản hàng hoá

☐ Sự vận động liên tục của tư bản cố định và tư bản lưu động

☐ **Sự vận động của tư bản trải qua ba giai đoạn, dưới ba hình thái kế tiếp nhau, thực hiện ba chức năng rồi quay trở về hình thái ban đầu cùng với giá trị thặng dư**

55. Kết quả của cạnh tranh giữa các ngành:

(1 Điểm)

☐ Hình thành chi phí sản xuất

☐ Hình thành lợi nhuận bình quân

☐ Hình thành giá cả thị trường

☐ **Hình thành giá cả sản xuất**

56. Bản chất của lợi tức cho vay:*

(1 Điểm)

☐ Là một phần lợi nhuận mà người đi vay trả cho người cho vay

☐ **Là giá trị thặng dư dôi ra sau khi trừ đi lợi nhuận bình quân của nhà tư bản đi vay**

☐ Là một phần giá trị thặng dư được tạo ra trong sản xuất mà nhà tư bản đi vay phải trả cho nhà tư bản cho vay

☐ Là toàn bộ giá trị thặng dư mà nhà tư bản đi vay trả cho người cho vay

57.Tư bản là:

(1 Điểm)

- ☐ Số tiền vốn mà tư bản đầu tư cho sản xuất, kinh doanh
- ☐ Giá trị đem lại giá trị thặng dư
- ☐ Là nhà xưởng, máy móc, thiết bị...(tư liệu sản xuất)của nhà tư bản
- ☐ Tài sản của nhà tư bản

58.Cấu tạo giá trị của tư bản là:

(1 Điểm)

- ☐ Tỷ lệ số lượng tư liệu sản xuất và số lượng lao động cần thiết sử dụng tư liệu sản xuất đó
- ☐ Sự phản ánh những thay đổi của cấu tạo kỹ thuật

Tỷ lệ giữa giá trị của tư bản bất biến với giá trị của tư bản khả biến

- ☐ c/v

59.Nhân tố ảnh hưởng đến tốc độ chu chuyển của tư bản là:

(1 Điểm)

- ☐ Thời gian bán hàng hoá trong mỗi vòng tuần hoàn
- ☐ Thời gian tồn tại của tư bản cố định trong một vòng tuần hoàn
- ☐ Thời gian sản xuất và thời gian lưu thông để tư bản thực hiện một vòng tuần hoàn
- ☐ Thời gian mua hàng hoá trong mỗi vòng tuần hoàn

60.Các yếu tố dưới đây, yếu tố nào **không** thuộc tư bản bất biến?

(1 Điểm)

- ☐ Nguyên nhiên vật liệu
- ☐ Tiền lương, tiền thưởng
- ☐ Máy móc, thiết bị, nhà xưởng
- ☐ Kết cấu hạ tầng sản xuất

61.Căn cứ vào đâu để chia ra thành tái sản xuất giản đơn và tái sản xuất mở rộng?

(1 Điểm)

- ☐ Căn cứ vào phạm vi
- ☐ Căn cứ vào tính chất
- ☐ Căn cứ vào nội dung
- ☐ Căn cứ vào quy mô

62.Động cơ chủ yếu của tích lũy tư bản là gì?

(1 Điểm)

- ☐ Quy luật giá trị
- ☐ Quy luật giá trị thặng dư
- ☐ Quy luật lao động thặng dư
- ☐ Quy luật sản phẩm thặng dư

63.Căn cứ để phân chia tư bản thành tư bản bất biến và tư bản khả biến:*

(1 Điểm)

- ☐ Vai trò khác nhau của mỗi bộ phận tư bản trong quá trình tạo ra giá trị thặng dư
- ☐ Sự vận động của tư bản
- ☐ Tốc độ chu chuyển của từng bộ phận tư bản
- ☐ Phương thức chu chuyển giá trị của từng bộ phận tư bản vào sản phẩm mới

64.Điền vào chỗ trống: Cấu tạo hữu cơ của tư bản là..... được quyết định bởi và phản ánh sự biến đổi của.....

(1 Điểm)

- ☐ Cấu tạo giá trị / Cấu tạo kỹ thuật / Cấu tạo giá trị
- ☐ Cấu tạo sản xuất / Cấu tạo kỹ thuật / Cấu tạo giá trị
- ☐ Cấu tạo giá trị / Cấu tạo kỹ thuật / Cấu tạo kỹ thuật
- ☐ Cấu tạo kỹ thuật / Cấu tạo giá trị / Cấu tạo kỹ thuật

65.Sự phân chia tư bản thành tư bản cố định và tư bản lưu động là đặc điểm riêng có của hình thái tư bản nào?

(1 Điểm)

- ☐ Tư bản hàng hóa
- ☐ Tư bản tiền tệ
- ☐ Tư bản lưu thông
- ☐ Tư bản sản xuất

66.Lợi nhuận mà nhà tư bản thương nghiệp thu được là do:

(1 Điểm)

- ☐ Nhà tư bản công nghiệp nhượng một phần giá trị thặng dư cho nhà tư bản thương nghiệp để thực hiện giá trị hàng hoá cho họ
- ☐ Quay vòng vốn nhanh nên thu được lợi nhuận
- ☐ Bán hàng hoá với giá cao hơn giá trị
- ☐ Trao đổi không ngang giá

67.Lợi nhuận thương nghiệp có được là do tư bản công nghiệp bán hàng hóa cho tư bản thương nghiệp với mức giá:

(1 Điểm)

- ☐ Cao hơn giá trị
- ☐ Bằng giá trị
- ☐ Thấp hơn giá trị
- ☐ Bằng chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa

68.Cơ sở của sản xuất giá trị thặng dư tương đối là:

(1 Điểm)

- ☐ Tăng năng suất lao động xã hội
- ☐ Kéo dài thời gian của ngày lao động
- ☐ Giảm thời gian lao động trong ngày
- ☐ Tăng cường độ lao động

69. Tư bản khả biến trong quá trình sản xuất :

(1 Điểm)

- ☐ Chuyển dần giá trị vào sản phẩm
- ☐ Không tăng lên về lượng
- ☐ Có vai trò quyết định trong việc tạo ra giá trị thặng dư
- ☐ Được bảo tồn nguyên vẹn

70. Quá trình sản xuất giá trị thặng dư là :

(1 Điểm)

- ☐ Quá trình tạo ra giá trị sử dụng và làm tăng thêm giá trị
- ☐ Quá trình công nhân được tự do làm việc
- ☐ Quá trình không làm thay đổi giá trị
- ☐ Quá trình chỉ tạo ra giá trị sử dụng

71. Tỷ suất lợi nhuận biểu hiện:

(1 Điểm)

- ☐ Trình độ bóc lột của tư bản đối với lao động
- ☐ Tính chất bóc lột của tư bản đối với lao động
- ☐ Phạm vi bóc lột của tư bản đối với lao động
- ☐ Mức doanh lợi của đầu tư tư bản

72. Tư bản thương nghiệp là:*

(1 Điểm)

- ☐ Là một bộ phận của tư bản công nghiệp hoạt động trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa
- ☐ Tư bản hoàn toàn phụ thuộc vào tư bản công nghiệp
- ☐ Một bộ phận của tư bản hàng hóa
- ☐ Toàn bộ tư bản hàng hóa

73. Mối quan hệ giữa giá trị của sức lao động với tiền công trong chủ nghĩa tư bản biểu hiện :

(1 Điểm)

- ☐ Tiền công lớn hơn giá trị sử dụng sức lao động khi cung lớn hơn cầu về hàng hoá sức lao động
- ☐ Tiền công nhỏ hơn giá trị sức lao động khi cung nhỏ hơn cầu về hàng hoá sức lao động
- ☐ Giống như mối quan hệ giữa giá cả hàng hoá với giá trị của nó
- ☐ Giá trị sức lao động thấp thì tiền công thấp

74. Giá trị hàng hóa thông thường và giá trị hàng hóa sức lao động giống nhau ở điểm nào?

(1 Điểm)

- ☐ Đều do thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất, tái sản xuất ra hàng hóa quyết định.
- ☐ Đều được trả bằng tiền.
- ☐ Đều được đo gián tiếp bằng giá trị của những tư liệu sinh hoạt.
- ☐ Đều bao hàm yếu tố tinh thần và lịch sử

75. Nhân tố nào tỷ lệ thuận với tỷ suất lợi nhuận?*

(1 Điểm)

- ☐ Tư bản bất biến
- ☒ Tốc độ chu chuyển của tư bản
- ☐ Cả a, b, c
- ☐ Cấu tạo hữu cơ của tư bản

76. Chọn ý kiến **đúng** khi nhận xét giá trị thặng dư tương đối và giá trị thặng dư siêu ngạch:

(1 Điểm)

- ☐ a. Giá trị thặng dư tương đối chỉ một số nhà tư bản đi đầu trong ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, giảm giá trị cá biệt thu được
- ☐ b. Giá trị thặng dư siêu ngạch toàn bộ giai cấp tư sản thu được
- ☐ c. Giá trị thặng dư tương đối phản ánh trực tiếp quan hệ giai cấp tư sản và giai cấp công nhân, còn giá trị thặng dư siêu ngạch là động lực trực tiếp của các nhà tư bản.
- ☒ d. Cả a, b, c

77. Sự phân chia giá trị thặng dư giữa tư bản công nghiệp và tư bản thương nghiệp theo quy luật nào?

(1 Điểm)

- ☐ Quy luật lợi nhuận độc quyền
- ☐ Quy luật giá trị thặng dư
- ☐ Quy luật cạnh tranh
- ☒ Quy luật tỷ suất lợi nhuận bình quân

78. Việc phân chia tư bản thành tư bản cố định và tư bản lưu động là căn cứ vào :

(1 Điểm)

- ☐ Việc xác định nguồn gốc cuối cùng của giá trị thặng dư
- ☐ Phương thức khấu hao tư bản cố định trong quá trình tái sản xuất
- ☒ Phương thức dịch chuyển giá trị của mỗi bộ phận tư bản vào giá trị sản phẩm mới
- ☐ Tốc độ chu chuyển của tư bản

79. Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối là:

(1 Điểm)

- ☐ Tiết kiệm chi phí sản xuất
- ☐ Rút ngắn thời gian lao động tất yếu
- ☒ Kéo dài thời gian của ngày lao động trong điều kiện thời gian lao động tất yếu không thay đổi
- ☐ Sử dụng kỹ thuật tiên tiến, cải tiến tổ chức quản lý

80. Quy mô tích lũy tư bản phụ thuộc những nhân tố nào:

(1 Điểm)

- ☐ Tỷ suất lợi nhuận

- ☐ Quy mô sản xuất
- ☐ Khối lượng giá trị thặng dư và tỷ lệ phân chia giá trị thặng dư thành quỹ tích lũy và quỹ tiêu dùng

☐ Cấu tạo hữu cơ của tư bản

81.Điền vào chỗ trống: Nguồn gốc của tập trung tư bản là.....

(1 Điểm)

- ☐ Các tư bản cá biệt có sẵn trong xã hội
- ☐ Giá trị thặng dư của các nhà tư bản cá biệt trong xã hội.
- ☐ Các tư bản cá biệt của các nước
- ☐ Các tư bản trong xã hội

82.Nhân tố nào tỷ lệ nghịch với tỷ suất lợi nhuận?

(1 Điểm)

- ☐ Tốc độ chu chuyển của tư bản
- ☐ Cả a và b
- ☐ Tỷ suất giá trị thặng dư
- ☐ Cấu tạo hữu cơ của tư bản

83.Giá cả sản xuất sẽ hình thành khi nào?

(1 Điểm)

- ☐ Khi hình thành giá trị thị trường
- ☐ Khi hình thành giá trị hàng hóa.
- ☐ Khi hình thành lợi nhuận bình quân.
- ☐ Khi hình thành chi phí sản xuất

84.Cạnh tranh giữa các ngành xảy ra khi có sự khác nhau về:

(1 Điểm)

- ☐ Giá trị thặng dư siêu ngạch
- ☐ Tỷ suất lợi nhuận
- ☐ Lợi nhuận
- ☐ Cung cầu các loại hàng hoá

85.Sức lao động trở thành hàng hoá từ khi nào:*

(1 Điểm)

- ☐ Mọi xã hội
- ☐ Sau cách mạng dân chủ tư sản thắng lợi
- ☐ Trong xã hội chiếm hữu nô lệ
- ☐ Xã hội xã hội chủ nghĩa

86.Trao đổi ngang giá làm cho :

(1 Điểm)

- ☐ Giá trị 1 đơn vị sản phẩm giảm
- ☐ Tổng giá trị không đổi
- ☐ Tổng giá trị giảm xuống

- ☐ Tổng giá trị tăng lên

87. Động lực mạnh nhất để thúc đẩy các nhà tư bản đổi mới công nghệ, tăng năng suất lao động cá biệt là:

(1 Điểm)

- ☐ Giá trị thặng dư cá biệt
- ☒ Giá trị thặng dư siêu ngạch
- ☐ Giá trị thặng dư tương đối
- ☐ Giá trị thặng dư tuyệt đối

88. Là hàng hóa đặc biệt, giá trị hàng hóa sức lao động khác với giá trị của hàng hóa thông thường ở đặc điểm:

(1 Điểm)

- ☒ Tạo ra một lượng giá trị nhiều hơn giá trị hàng hóa thông thường
- ☐ Bao hàm yếu tố tinh thần và yếu tố lịch sử
- ☐ Tạo ra một lượng giá trị nhỏ hơn giá trị hàng hóa thông thường
- ☐ Tạo ra một lượng giá trị bằng giá trị hàng hóa thông thường

89. Bản chất của lợi nhuận thương nghiệp:

(1 Điểm)

- ☒ Là một phần giá trị thặng dư được tạo ra trong quá trình sản xuất
- ☐ Là kết quả của hoạt động đầu cơ nâng giá, bóc lột người tiêu dùng
- ☐ Là lao động thặng dư của nhân viên ngành thương nghiệp tạo ra
- ☐ Là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá mua

90. Tỷ suất lợi nhuận là chỉ tiêu đánh giá:

(1 Điểm)

- ☐ Hiệu quả sử dụng lao động sống
- ☒ Doanh lợi của việc đầu tư tư bản
- ☐ Hiệu quả sử dụng lao động quá khứ
- ☐ Trình độ bóc lột

91. Giá trị thặng dư siêu ngạch là hình thức biến tướng của giá trị thặng dư tương đối vì:

(1 Điểm)

- ☐ Đều là phương pháp sản xuất giá trị thặng dư bằng cách kéo dài thời gian của ngày lao động
- ☐ Đều là phương pháp sản xuất giá trị thặng dư được áp dụng trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa tư bản
- ☐ Đều biểu hiện mối quan hệ giữa giai cấp tư bản và giai cấp công nhân
- ☒ Đều dựa trên cơ sở tăng năng suất lao động

92. Khi nào sức lao động trở thành hàng hóa một cách phổ biến?

(1 Điểm)

- ☒ Trong nền sản xuất hàng hóa TBCN
- ☐ Trong xã hội phong kiến

- ☐ Trong nền sản xuất hàng hoá giản đơn
- ☐ Trong xã hội chiếm hữu nô lệ

93. Chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa:

(1 Điểm)

- ☐ Là chi phí tư bản mà nhà tư bản đã bỏ ra để sản xuất ra hàng hóa
- ☐ Không tạo ra giá trị hàng hóa
- ☐ Phản ánh đầy đủ hao phí lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa
- ☐ Tạo ra giá trị hàng hóa

94. Bản chất của tiền công trong CNTB là:

(1 Điểm)

- ☐ Giá cả của hàng hóa lao động.
- ☐ Giá cả của hàng hóa
- ☐ Giá cả của hàng hóa sức lao động
- ☐ Số tiền mà người công nhân nhận được.

95. Sự giống nhau của phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối và giá trị thặng dư tương đối:

(1 Điểm)

- ☐ Làm giảm giá trị sức lao động của công nhân
- ☐ Làm tăng giá trị sức lao động
- ☐ Làm cho công nhân tốn sức lao động nhiều hơn
- ☐ Làm tăng tỷ suất giá trị thặng dư

96. Nếu nhà tư bản trả công theo đúng giá trị sức lao động thì có còn bóc lột giá trị thặng dư không?

(1 Điểm)

- ☐ Bị lỗ vốn
- ☐ Có
- ☐ Không
- ☐ Hoà vốn

97. Đặc điểm của tư bản thương nghiệp dưới chủ nghĩa tư bản là:

(1 Điểm)

- ☐ Tách hoàn toàn với tư bản công nghiệp
- ☐ Phụ thuộc vào tư bản công nghiệp
- ☐ Vừa độc lập, vừa phụ thuộc vào tư bản công nghiệp
- ☐ Độc lập với tư bản công nghiệp

98. Cấu tạo kỹ thuật của tư bản phản ánh:

(1 Điểm)

- ☐ Trình độ bóc lột của nhà tư bản đối với lao động làm thuê
- ☐ Sự thay đổi của cấu tạo giá trị
- ☐ Sự tăng lên của cấu tạo hữu cơ

☐ Trình độ phát triển của khoa học kỹ thuật

99. Giá trị hàng hóa sức lao động bao gồm các khoản nào dưới đây?

Ông A chi tiêu hàng tháng cho các khoản sau đây: Tiền mua lương thực thực phẩm (1); tiền thuê nhà (2); tiền học cho con cái (3); tiền mua sách báo thỏa mãn tinh thần (4); tiền xe cộ đi lại (5); chi phí học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ (6).

(1 Điểm)

☐ (4) + (5) + (6)

☐ (1) + (2) + (4) + (6)

☐ (1) + (2) + (3)

☒ (1) + (2) + (3) + (4) + (5) + (6)

100. Tư bản bất biến và tư bản khả biến có vai trò như thế nào trong quá trình sản xuất giá trị thặng dư?

(1 Điểm)

☒ Tư bản khả biến là nguồn gốc của giá trị thặng dư

☐ Tư bản bất biến là nguồn gốc của giá trị thặng dư

☐ Tư bản khả biến là điều kiện để sản xuất giá trị thặng dư

☐ Cả tư bản bất biến và tư bản khả biến có vai trò ngang nhau trong quá trình sản xuất giá trị thặng dư

101. Tích tụ và tập trung tư bản giống nhau ở:

(1 Điểm)

☐ Đều làm tăng quy mô tư bản xã hội

☐ Có nguồn gốc trực tiếp giống nhau

☒ Đều làm tăng quy mô tư bản cá biệt

☐ Đều phản ánh mối quan hệ giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản

102. Nguồn gốc của tích tụ tư bản là từ:

(1 Điểm)

☒ A. Giá trị thặng dư

☐ B. Tư bản cá biệt có sẵn trong xã hội

☐ C. Giá trị của hàng hóa

☐ D. Cả a, b và c

103. Tư bản thương nghiệp là:

(1 Điểm)

☐ Tư bản hoạt động dưới hình thái tư bản tiền tệ

☒ Tư bản hoạt động dưới hình thái tư bản công nghiệp

☐ Tư bản dùng để mua tư liệu sản xuất và sức lao động của công nhân

☐ Tư bản hoạt động trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa

104. Giá cả sản xuất bằng:

(1 Điểm)

- ☐ Chi phí sản xuất cộng với lợi nhuận bình quân
- ☐ Toàn bộ chi phí bỏ ra trong quá trình sản xuất
- ☐ Giá cả thị trường trừ đi lợi nhuận của nhà tư bản công nghiệp
- ☐ Giá cả thị trường trừ cộng với nhuận của nhà tư bản công nghiệp

Gửi

Không bao giờ tiết lộ mật khẩu của bạn. [Báo cáo lạm dụng](#)

Nội dung này được tạo bởi chủ sở hữu của biểu mẫu. Dữ liệu bạn gửi sẽ được gửi đến chủ sở hữu biểu mẫu. Microsoft không chịu trách nhiệm về quyền riêng tư hoặc thực tiễn bảo mật của khách hàng, bao gồm cả các biện pháp bảo mật của chủ sở hữu biểu mẫu này. Không bao giờ đưa ra mật khẩu của bạn.

Hoạt động trên nền tảng Microsoft Forms

|

Chủ sở hữu của biểu mẫu này chưa cung cấp tuyên bố về quyền riêng tư về cách họ sẽ sử dụng dữ liệu phản hồi của bạn. Không cung cấp thông tin cá nhân hoặc thông tin nhạy cảm.

| [Điều khoản sử dụng](#)